

Số: 68/2020/QĐST-DS

Mỏ Cày Nam, ngày 22 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 183/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1) *Nguyên đơn:* Bà **Trịnh Thị V** - Sinh năm: 1950; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn P** - Sinh năm: 1976, địa chỉ: Khu phố D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.2) *Bị đơn:* Bà **Lê Thị V** - Sinh năm: 1970; địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Bến Tre; địa chỉ nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị V tổng số tiền hụi còn thiếu là 133.500.000đồng (một trăm ba mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng), nhưng được chia làm nhiều lần trả như sau:

2.1.1. Từ ngày 15 tháng 10 năm 2020 trở về sau, mỗi tháng bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị V số nợ gốc là 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng), trả vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 15 tháng 10 năm 2020, riêng tháng cuối cùng (sau khi bà Lê Thị V đã trả cho bà Trịnh Thị V được 130.000.000đồng tiền nợ gốc) thì bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị V số nợ gốc còn lại là 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

2.1.2. Nếu bà Lê Thị V vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ tháng nào thì bà Trịnh Thị V có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số nợ còn lại (tức bà Trịnh Thị V

có quyền yêu cầu bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ còn lại tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền).

2.1.3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2) Bà Lê Thị v có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị v tổng số tiền vay còn nợ là 160.000.000đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), không tính tiền lãi. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3) Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.3.1. Bà Trịnh Thị V nhận chịu 3.669.000đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng) nhưng bà Trịnh Thị V là người cao tuổi nên bà Trịnh Thị V được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền này.

2.3.2. Bà Lê Thị V nhận chịu 3.668.500đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị V có nghĩa vụ nộp số tiền này tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên